

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KV - HUNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2025

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KV 1 - HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh N.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn N;

2. Bà Vũ Thị T.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị P - Thư ký Tòa án nhân dân KV – Hưng Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV – Hưng Yên tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn M - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân KV – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2025/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 08 năm 2025 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1984.

HKTT: Thôn Q, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: Số 5, ngõ đường Viên Sơn Trung Hòa, Đài Bắc, Đài Loan.

(Đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 18/7/2011.

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Quỳnh A: Anh Nguyễn Xuân Đ và chị Nguyễn Thị B là bố mẹ đẻ của cháu.

Người làm chứng: Bà Trần Thị T, sinh năm 1950. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Xuân Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên (nay là xã T, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 27/7/2005 theo quy định của pháp luật. Chị B và anh Đ chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Theo như chị B đánh giá thì anh Đ có tình cảm với người phụ nữ khác. Chị B đã khuyên bảo nhưng anh Đ không nghe, anh chị xảy ra mâu thuẫn nhiều hơn, cuộc sống trở nên nặng nề, bế tắc. Đến năm 2019, chị B và anh Đ cùng sang Đài Loan lao động thời hạn hợp đồng là 03 năm. Khi sang Đài Loan anh chị mâu thuẫn nhiều hơn, cãi vã thường xuyên, cả hai không còn tôn trọng nhau. Sau nhiều lần căng thẳng, mâu thuẫn kéo dài, anh chị đều không thể điều chỉnh được quan hệ, hôn nhân không có hạnh phúc, kinh tế không tập chung, việc ai người đó làm. Đến tháng 10/2020 anh chị sống ly thân từ đó cho tới nay. Chị B và anh Đ mỗi người sống một nơi, anh Đ cũng không quan tâm đến gia đình, vợ con, cũng không quan tâm đến các con học tập ra sao, cuộc sống sinh hoạt như thế nào. Hết thời hạn 03 năm anh chị lại ký hợp đồng để tiếp tục lao động. Chị B lao động được hơn 4 năm thì chị về Việt Nam còn anh Đ vẫn ở lại đó lao động nhưng không ký hợp đồng lao động mà hiện tại đang sinh sống bất hợp pháp ở Đài Loan, anh Đ làm gì ở đâu và địa chỉ cụ thể, số điện thoại của anh Đ như thế nào thì anh Đ không cho chị B biết mà anh Đ chỉ cho chị địa chỉ và số điện thoại của bạn anh ấy. Cụ thể: Số 5, ngõ đường Viên Sơn Trung Hòa – Đài Bắc – Đài Loan; Số điện thoại: + 8660987263255 tên Facebook là ĐặngSongSong. Chị B có muốn liên lạc với anh Đ thì cũng liên lạc qua số điện thoại hoặc Facebook này của bạn anh Đ. Chị B quyết định về nước để chăm lo cho các con. Anh Đ mặc nhiên như không có chị B và các con. Chị B vừa đi làm vừa trang trải cuộc sống cho các con. Chị và anh Đ có trao đổi để tìm cách tháo gỡ để tập trung lo cho các con nhưng anh Đ vô cảm trước cuộc sống của chị và các cháu. Chị B động viên anh Đ về và vợ chồng bỏ qua tất cả cho nhau nhưng anh Đ vẫn ở Đài Loan kiên quyết không về và cũng không chu cấp cho chị nuôi dưỡng các con.

Nay chị B xác định không còn tình cảm với anh Đ. Chị B đề nghị Tòa án nhân dân KV – Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ để chị sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị B, anh Đ có 02 con chung là các cháu Nguyễn Xuân B, sinh năm 2007 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 18/7/2011. Hiện nay cháu B đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu Quỳnh A hiện đang ở với chị B. Chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Quỳnh A và chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản; Về công sức, công nợ, ruộng canh tác: Không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Chị B tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh Đ cư trú tại Đài Loan. Tuy nhiên, anh đã nhận được thông tin cũng như nội dung các văn bản về việc Tòa án nhân dân KV – Hưng Yên thụ lý vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B yêu cầu ly hôn với anh do gia đình anh nhận của Tòa án và thông báo cho anh. Anh đã có văn bản trình bày ý kiến gửi tới Tòa án qua dịch vụ bưu chính.

Tại văn bản trình bày quan điểm và Biên bản lấy lời khai của anh Đ trong buổi làm việc tại gia đình bà Trần Thị T là mẹ đẻ anh Đ cùng đại diện chính quyền địa phương vào ngày 31/10/2025 do bà Tkết nổi cuộc gọi với anh Đ qua tài khoản Messenger Facebook Đặng Song Song là bạn của anh Đ ở Đài Loan đều thể hiện:

Anh Đ xác định đã gửi bản trình bày quan điểm của anh gửi cho Tòa án nhân dân KV – Hưng Yên và anh vẫn giữ nguyên quan điểm:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị B kết hôn năm 2005 theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, quan điểm bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, không bàn bạc công việc với nhau, kinh tế độc lập. Đến năm 2019, anh Đ và chị B cùng sang Đài Loan lao động. Khi sang Đài Loan anh chị vẫn không thể hòa hợp mà còn mâu thuẫn nhiều hơn, không có sự tôn trọng nhau. Sau nhiều lần căng thẳng, mâu thuẫn kéo dài nên anh chị không thể duy trì được hôn nhân hạnh phúc, kinh tế không tập trung, việc ai người đó làm. Đến tháng 10/2020 anh chị sống ly thân, mỗi người sống một nơi. Hết thời hạn 03 năm anh chị lại ký hợp đồng để lao động tiếp. Chị B ở Đài Loan lao động được hơn 4 năm thì về Việt Nam còn anh Đ vẫn ở lại Đài Loan lao động. Tuy nhiên, anh Đ ở nhờ nhà một người quen có địa chỉ: Số 5, ngõ đường Viên Sơn Trung Hòa – Đài Bắc – Đài Loan; còn số điện thoại của anh là: + 8660987263255. Anh Đ xác định sẽ cố gắng sống và lao động ở Đài Loan một vài năm nữa để tích lũy kinh tế để khi về có vốn làm ăn nhưng chị B cho rằng anh có quan hệ với người khác nên vợ chồng không thể có niềm tin ở nhau dẫn đến tình cảm giữa anh và chị B không còn. Việc anh tiếp tục gia hạn hợp đồng lao động mà chưa về Việt Nam anh không bàn bạc gì với chị B, khi chị B biết anh tiếp tục lao động thì chị B không có ý kiến gì, anh chị không quan tâm đến nhau và không liên lạc với nhau.

Anh Đ xác định giữa anh và chị B có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng do suy nghĩ và tính nết không hợp nhau, cuộc sống không có tiếng nói chung, hôn nhân không có hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là các cháu Nguyễn Xuân B, sinh năm 2007 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 18/7/2011. Hiện nay cháu B

đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Đ đề nghị được nuôi dưỡng cháu Quỳnh A.

- Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đ có quan điểm, hiện anh đang lao động tại Đài Loan, không thể về Việt Nam theo triệu tập của Tòa án để tham gia các phiên họp và xét xử theo quy định. Do đó, anh đề nghị và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử và tất cả các giai đoạn giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án gửi các tài liệu, văn bản cho mẹ anh là bà Trần Thị T; Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên. Bà T sẽ thông tin cho anh mọi vấn đề liên quan đến giải quyết vụ án. Bà T và anh Đ xác định nội dung lời khai của anh là đúng.

*Xác minh tại UBND xã T, tỉnh Hưng Yên thể hiện:*Chị, anh Đ có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên(nay là xã T, tỉnh Hưng Yên) theo giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 27/7/2005.Theo Ủy ban nhân dân xã cung cấp: Sau khi kết hôn chị B, anh Đ có thời gian chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, chị B anh Đ đi xuất khẩu lao động từ rất lâu không sống ở địa phương nên anh chị có mâu thuẫn hay không và mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được.Chị B và anh Đ đều có HKTT tại địa phương, hiện tại chị B không sống ở địa phương, anh Đ vẫn sinh sống tại nước ngoài.Nay chị Nguyễn Thị B có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Xuân Đ, quan điểm của UBND xã T, tỉnh Hưng Yên là đề nghị Toà án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

*Người làm chứng bà Trần Thị T trình bày:*Anh Đ chị B được tự do tìm hiểu rồi kết hôn. Chị B anh Đ sống với nhau một thời gian rồi anh chị ấy đi xuất khẩu lao động không sống cùng với bà nên mâu thuẫn như thế nào thì bà không biết. Thời gian gần đây chị B về quê sống với các con còn anh Đ vẫn sống ở Đài Loan. Quan điểm của bà T: Bà biết việc chị B yêu cầu ly hôn với anh Đ do Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án cho anh Đ và gia đình bà nhận thay. Anh Đ cũng chia sẻ với bà về việc gửi văn bản ý kiến về Tòa án nhân dân KV – Hưng Yên. Chị B, anh Đ xác định không còn tình cảm với nhau nên chị B anh Đ quyết định thế nào là quyền của anh chị ấy. Bà T cũng khẳng định chữ viết họ tên, chữ ký trong bản trình bày mà Tòa án cho bà tiếp cận đúng là chữ viết, chữ ký của anh Nguyễn Xuân Đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thị Quỳnh A trình bày: Hiện cháu đang sống cùng mẹ của cháu là chị Nguyễn Thị B, bố của cháu là anh Nguyễn Xuân Đ đang sống ở nước ngoài. Nguyễn vọng của cháu xin được sống cùng chị Nguyễn Thị B.

Công văn số 1122/XNC ngày 11/11/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Hưng Yên V/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh: Phúc đáp công văn số 2594/2025/CV – TA ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân KV – Hưng Yên cụ thể đã kiểm tra trên hệ thống dữ liệu xuất nhập cảnh có thông tin công dân Nguyễn Xuân Đ; Ngày sinh: 01/01/1984; CCCD số 033084007171;

HKTT: Thôn Q, xã T, tỉnh Hưng Yên; Được cấp 01 hộ chiếu; Số hộ chiếu: C8522170; Cấp ngày 14/11/2019. Tình trạng hộ chiếu: Hiện hành; Hạn hộ chiếu: 14/11/2029; Xuất nhập cảnh 01 lần.

Ngày 17/11/2025, Tòa án nhân dân KV – Hưng Yên mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do anh Đ có đơn xin vắng mặt trong các giai đoạn giải quyết vụ án nên chị B có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải với lý do anh Đ hiện đang ở Đài Loan nên không thể hòa giải được.

Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B và bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai của đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV – Hưng Yên:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 468, Điều 477 BLTTDS; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán - Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn của chị B và anh Đ.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là các cháu Nguyễn Xuân B, sinh năm 2007 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 18/7/2011.

Cháu B đã trưởng thành, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng: Giao cháu Quỳnh A cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị B nhưng được quyền đi lại, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu, anh Đ xác định không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị B chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị B yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Xuân Đ có HKTT tại xã T, tỉnh Hưng Yên đang học tập và công tác tại Đài Loan thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, đó là ý trí tự nguyện của chị B và anh Đ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Xuân Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên (nay là xã T, tỉnh Hưng Yên) theo giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 27/7/2005 trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, không chia sẻ được với nhau, thường xuyên bất hòa. Anh chị mạnh ai người đó làm không bàn bạc, kinh tế độc lập. Đến năm 2019, anh Đ và chị B cùng sang Đài Loan lao động. Khi sang Đài Loan anh chị vẫn không thể hòa hợp mà còn mâu thuẫn nhiều hơn, vợ chồng không tôn trọng nhau. Sau nhiều lần căng thẳng, mâu thuẫn kéo dài, hôn nhân không có hạnh phúc, kinh tế không tập trung đến tháng 10/2020 anh chị sống ly thân, mỗi người sống một nơi. Hết thời hạn hợp đồng là 3 năm anh chị tiếp tục ký hợp đồng để lao động. Được hơn 4 năm thì chị B về hản Việt Nam để chăm sóc các con, anh Đ ở lại và cư trú tại nhà người quen mà không có nơi cư trú riêng. Anh Đ xác định sẽ cố gắng sống và lao động ở Đài Loan một vài năm nữa để tích lũy kinh tế đến khi về có vốn làm ăn nhưng chị B cho rằng anh Đ có quan hệ với người khác nên vợ chồng không có niềm tin với nhau dẫn đến tình cảm giữa anh chị không còn. Việc anh Đ tiếp tục gia hạn hợp đồng lao động và chưa về Việt Nam không có sự bàn bạc với chị B, chị B cũng không có ý kiến gì. Anh chị không quan tâm đến nhau và không liên lạc với nhau. Đến nay chị B vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh Đ. Khi biết thông tin chị B yêu cầu ly hôn với anh qua các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án gửi về gia đình và Tòa án gửi cho anh Đ qua Messenger Facebook Đặng Song Song. Anh Đ đã gửi bản trình bày ý kiến quan điểm và đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử qua dịch vụ bưu chính. Tại bản trình bày quan điểm ý kiến cũng như Biên bản lấy lời khai của anh Đ qua cuộc gọi kết nối với tài khoản Messenger Facebook Đặng Song Song; Biên bản lấy lời khai của chị B. Chị B và anh Đ đều xác định vợ chồng không có tiếng nói chung, anh chị đã sống ly thân và không còn tình cảm với nhau nên anh chị đều đồng ý ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, anh chị đều đồng ý ly hôn nên HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP TANDTC. Công nhận thuận tình ly hôn của chị B với anh Đ

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là các cháu Nguyễn Xuân B, sinh năm 2007 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 18/7/2011.

Đối với cháu B: Chị B và anh Đ đều thể hiện cháu B đã trưởng thành, anh chị không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Đối với cháu Quỳnh A:Chị B và anh Đ đều yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Quỳnh Anh.

Xét thấy, nguyện vọng của cháu Quỳnh A mong muốn được sống cùng mẹ và hiện tại cháu cũng đang có cuộc sống ổn định với chị B. Chị B xác định về hãnh Việt Nam để nuôi dạy cháu Quỳnh Anh. Như vậy, chị B có đủ điều kiện là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Quỳnh A. Hơn nữa, cháu Quỳnh A đang ở độ tuổi phát triển nên cần có người mẹ gần gũi, định hướng, chăm sóc giáo dục để cháu có nhận thức và phát triển thể chất và giới tính. Do vậy, HĐXX sẽ giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh A cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Đối với yêu cầu của anh Đ: Hiện anh Đ đang cư trú tại Đài Loan. Với điều kiện cư trú và công việc hiện tại của anh Đ thì anh Đ không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quỳnh A. Do đó, yêu cầu của anh Đ không được HĐXX chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị B tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện này của chị B.

Anh Đ được quyền thăm nom, có nghĩa vụ và trách nhiệm chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, công sức; nợ nần: Chị B không yêu cầu, anh Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn của chị B.

Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[6]. Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân KV – Hưng Yên tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238, 271, 273, 477, 478 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán - Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và Nguyễn Xuân Đ.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Xuân Đ có 02 con chung là các cháu Nguyễn Xuân B, sinh năm 2007 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 18/7/2011.

Đối với cháu B: Cháu B đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Quỳnh A: Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh A cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ được quyền thăm nom, có nghĩa vụ và trách nhiệm chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Chị B không yêu cầu, anh Đ xác định không còn nên không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị B tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0000269 ngày 01/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Hoàn trả chị Nguyễn Thị B 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự biết, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND KV – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã T, tỉnh Hưng Yên
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh N